

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 388/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thừa.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Bà Võ Thị Bích Liên;
 2. Ông Nguyễn Văn Trương;
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Ông Phan Ngọc Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 279/2020/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1998; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp TH, xã LT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;
2. *Bị đơn:* Anh Phan Thanh T, sinh năm: 1989; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp GT, xã LT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 10 năm 2020, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Chị và anh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2016 và được Ủy ban nhân dân xã LT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 10 tháng 01 năm 2017. Sau khi cưới, thời gian đầu sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm

nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Do hiện tại tình cảm không còn chị H yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Ngọc Nhã U, sinh ngày 17/3/2017. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phan Thanh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng anh vắng mặt không lý do, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H có đơn khởi kiện đối với anh T. Bị đơn anh T hiện đang cư trú tại xã LT, thị xã GCônên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H xin ly hôn với anh T, căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị H có đơn xin vắng mặt; Bị đơn anh T vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị H chung sống với anh T từ năm 2016 và được Ủy ban nhân dân xã LT, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 10 tháng 01 năm 2017 nên quan hệ hôn nhân của anh và chị là hợp pháp. Thời gian chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Đối với bị đơn anh T từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay vắng mặt không lý do, cho thấy anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu mà chị H và anh T cũng không có biện

pháp gì để hàn gắn tình cảm. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Ngọc Nhã U, sinh ngày 17/3/2017, hiện đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu nuôi con chung, anh T không có ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện tại chị H có nghề nghiệp và thu nhập ổn định (có xác nhận của chính quyền địa phương), trong thời gian ly thân cháu U sống chung với chị H nên đã quen với môi trường sinh sống. Do đó, giao cháu U cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ H. Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với anh Phan Thanh T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi con chung tên Phan Ngọc Nhã U, sinh ngày 17/3/2017.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 43993 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- UBND xã LT, TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Văn Thừa